

Bản án số: 105/2020/HSST
Ngày 22-7-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LẠNG SƠN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Xuân Tĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đức Dũng

Ông Nguyễn Đức Hồi

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 101/2020/TL-HSST ngày 18 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Lê A, sinh ngày 14/4/1988 tại Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 04, đường B, khối 2, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở hiện nay: Số 27, đường N, phường T, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Thế T và bà Lê Tú O (đã chết); chồng: Trần Đức H (đã ly hôn), con: Có 01 con sinh năm 2011; nhân thân: Chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo tại ngoại, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1991; địa chỉ: Số 94, đường L, phường V, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Nguyễn Trung N. Vắng mặt.

- Người chứng kiến: Ông Hoàng Doãn C. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 22 giờ 15 phút ngày 12/12/2019 tại khu vực đường số 3A, khu P I, phường H, thành phố L, Công an thành phố L kiểm tra phát hiện Đỗ Lê A có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy MDMA mục đích để bán kiếm lời và Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy Ketamine mục đích để sử dụng. Cụ thể thu giữ của Đỗ Lê A 01 túi nilon màu trắng, kích thước 04cm x 06 cm bên trong có chứa 05 viên nén màu xanh hình lục giác; thu giữ của Nguyễn Văn T 01 túi nilon kích thước 2,8cm x 03cm bên trong chứa tinh thể màu trắng.

Bị cáo Đỗ Lê A khai nhận, qua bạn bè xã hội bị cáo có biết người phụ nữ tên “M” sử dụng số điện thoại 0372992510, nhưng không biết rõ địa chỉ, lai lịch. Khoảng 21 giờ ngày 12/12/2019, Đỗ Lê A nhận được điện thoại của M hỏi mua 02 chỉ ma túy “ke” và 05 viên ma túy “kẹo”. Đỗ Lê A bảo M giá tiền số ma túy đó là 7.200.000 đồng. M đồng ý và hẹn Đỗ Lê A đến quán Karaoke K ở số 147, đường B, phường H, thành phố L để trao đổi mua bán ma túy. Do vậy, Đỗ Lê A gọi điện thoại cho một nam thanh niên tên T (không rõ địa chỉ, lai lịch) hỏi mua nợ 02 chỉ ma túy “ke” với giá 5.000.000 đồng để bán cho M. T đồng ý hẹn Đỗ Lê A đến khu vực phía sau quán Bar K ở khu P IV, phường V, thành phố L để lấy ma túy. Đỗ Lê A gọi xe taxi rồi rủ Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, địa chỉ tại số 94 đường L, phường V, thành phố L là bạn trai của mình (lúc đó có mặt ở nhà Đỗ Lê A) đi cùng. Khi đi đến khu vực quán Bar K, Đỗ Lê A bảo Nguyễn Văn T ngồi chờ trên xe taxi rồi đi ra khu vực phía sau quán Bar Kclub gặp Thành để lấy ma túy như đã hẹn trước đó. Đỗ Lê A cầm túi ma túy “ke” vừa mua được rồi cùng Nguyễn Văn T đi tiếp đến quán Karaoke K.

Trên đường đi, Đỗ Lê A lấy một ít ma túy “ke” cho vào 01 túi nilon nhỏ rồi đưa cho Nguyễn Văn T cất giấu, mục đích để sau đó cùng sử dụng, số ma túy còn lại Đỗ Lê A cất giấu vào trong túi áo khoác đang mặc. Khi đến cổng sau quán Karaoke Khánh Linh khu vực đường 3A, khu P I, phường H, thành phố L, Đỗ Lê A xuống xe rồi gọi điện thoại bảo M ra cổng chính quán Karaoke K đưa tiền cho Nguyễn Văn T và đi ra cổng sau để lấy ma túy “ke” với Đỗ Lê A, còn lại 05 viên ma túy “kẹo” sẽ giao sau. Người phụ nữ tên M đưa 3.000.000 đồng cho Nguyễn Văn T, sau đó Nguyễn Văn T đưa 2.000.000 đồng cho Đỗ Lê A, số tiền còn lại 1.000.000 đồng Đỗ Lê A bảo Nguyễn Văn T cầm để trả tiền taxi.

Tiếp theo cả hai đi đến đầu ngõ 225, đường N, phường Đ, thành phố L. Đỗ Lê A xuống xe bảo Nguyễn Văn T đợi, nhưng không nói là đi đâu làm gì, rồi Đỗ Lê A một mình đi bộ vào ngõ 225, đường N gặp thanh niên tên Đ (không rõ địa chỉ, lai lịch) mua 05 viên ma túy kẹo với giá 2.000.000 đồng rồi cất giấu vào túi áo khoác đang mặc. Sau đó Đỗ Lê A bảo xe taxi đưa đến khu vực cổng sau quán Karaoke K, mục đích để bán 05 viên ma túy “kẹo” cho M. Khi đến nơi, Đỗ Lê A xuống xe taxi thì bị Công an thành phố L phát hiện, kiểm tra thu giữ số ma túy như nêu ở trên.

Tại bản Kết luận giám định số 20/KL-PC09 ngày 14/12/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Chất tinh thể màu trắng đựng trong

01 túi nilon kích thước 2,8cm x 03cm là chất ma túy Ketamine, có khối lượng 0,588 gam (đã trừ bì); 05 viên nén hình lục giác màu xanh đựng trong 01 túi nilon kích thước 04cm x 06cm đều là chất ma túy MDMA, có tổng khối lượng 2,231 gam (đã trừ bì).

Đối với người phụ nữ tên M mua ma túy và những người bán ma túy có tên Đ và T do bị cáo không biết rõ tên tuổi, địa chỉ cụ thể và quá trình điều tra Cơ quan điều tra yêu cầu tra cứu các số điện thoại, nhưng chưa có kết quả nên cơ quan điều tra tách ra để xem xét, xử lý sau theo quy định.

Đối với Nguyễn Văn T do có quan hệ tình cảm với Đỗ Lê A, ngày 12/12/2020 Nguyễn Văn T đi cùng Đỗ Lê A nhưng không biết việc mua bán ma túy của Đỗ Lê A, việc nhận số tiền 3.000.000 đồng cũng không được Đỗ Lê A nói là tiền bán ma túy, nên không có căn cứ xử lý về hình sự. Còn hành vi tàng trữ 0,588 gam chất ma túy Ketamine với mục đích để sử dụng, do định lượng chưa đến 01 gam ma túy ở thể rắn, nên chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an thành phố L đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T, Đỗ Lê A về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng.

Tại bản cáo trạng số 103/CT-VKSTP ngày 16/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L đã truy tố bị cáo Đỗ Lê A ra trước Tòa án nhân dân thành phố L để xét xử về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai và nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, đồng thời tỏ rõ sự ăn năn hối cải.

Tại phiên tòa, quan xét hỏi, tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L giữ nguyên nội dung quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Lê A phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm n, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Lê A từ 26 tháng đến 30 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại OPPO do sử dụng liên lạc mua bán ma túy; tịch thu sung quỹ Nhà nước 1.000.000 đồng là tiền do bị cáo phạm tội mà có; trả lại anh Nguyễn Văn T 01 điện thoại MASSTEL và 20.000 đồng do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Lê A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, phù hợp với Kết luận giám định và các tài liệu thu giữ trong hồ sơ vụ án. Do đó có cơ sở để khẳng định vào hồi 22 giờ 15 phút ngày 12/12/2019 tại khu vực đường số 3A, khi P I, phường H, thành phố L,

khi Đỗ Lê A có hành vi tàng trữ 05 viên ma túy MDMA có khối lượng là 2,231 gam, với mục đích để bán cho một người phụ nữ tên M thì bị Công an thành phố L phát hiện bắt giữ. Vì vậy, bị cáo Đỗ Lê A đã phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy, nên Viện kiểm sát nhân dân thành phố L truy tố về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo là người thành niên, có đủ năng lực hành vi, năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, nhưng do nghiện ma túy, để có tiền mua ma túy sử dụng đã mua ma túy rồi bán lại để kiếm lời có tiền mua ma túy để sử dụng cho bản thân. Để có mức hình phạt thỏa đáng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, để áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi, mức độ phạm tội bị cáo đã gây ra theo luật định.

[3] Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, bản thân chấp hành tốt chính sách của Nhà nước; tuy nhiên bị cáo có sử dụng ma túy, nên xác định bị cáo là người chưa có ý thức chấp hành pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; có 02 tình tiết giảm nhẹ, là quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân; khi phạm tội bị cáo đang có thai (thai được hơn 3 tuần tuổi), nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội là phụ nữ có thai, theo quy định tại các điểm n, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những nhận định, phân tích nêu trên, nhất thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cải tạo sau này trở thành công dân tốt có ý thức chấp hành pháp luật. Tuy nhiên bị cáo phạm tội lần đầu, mục đích phạm tội chỉ để muốn có tiền để quay vòng mua ma túy sử dụng cho bản thân, số lượng ma túy không lớn, nên chỉ áp dụng mức thấp của khung hình phạt cũng là phù hợp.

[6] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự quy định hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên qua xác minh thấy rằng bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không tài sản đảm bảo thì hành hình phạt bổ sung. Nên không áp dụng phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Các chất ma túy còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu, tiêu hủy; 01 điện thoại di động OPPO bị cáo dùng bảo việc liên lạc, trao đổi mua bán ma túy nên cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước; về số tiền 1.020.000 đồng thu giữ của Nguyễn Văn T, trong đó 1.000.000 đồng là tiền do Đỗ Lê A bán ma túy mà có sau đó đưa cho Nguyễn Văn T nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước, số tiền còn lại 20.000 đồng là của Nguyễn Văn T, nên trả lại cho chủ sở hữu. Đối với chiếc điện thoại nhãn hiệu MASSTEL thu của Nguyễn Văn T do không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nên cũng trả lại cho Nguyễn Văn T.

[8] Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ. Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án còn có người phụ nữ tên M là người đã đặt mua ma túy với Đỗ Lê A, nhưng do không biết lai lịch, địa chỉ của người này nên Cơ quan Điều tra không có căn cứ xác minh. Đối với người đàn ông tên Đ (sử dụng số điện thoại 0961718728 và 0924321911) và người đàn ông tên T (sử dụng số điện thoại 0833629111) quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã ra Lệnh thu giữ điện tín và tiến hành các biện pháp điều tra, xác minh thông tin chủ thuê bao của các số điện thoại trên nhưng đến nay chưa có kết quả. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, điều tra nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[10] Đối với Nguyễn Văn T: Quá trình điều tra xác định do Nguyễn Văn T và Đỗ Lê A có quan hệ tình cảm với nhau. Ngày 12/12/2020 Đỗ Lê A rủ Nguyễn Văn T đi cùng nhưng không nói là đi đâu, làm gì. Việc Nguyễn Văn T nhận 3.000.000 đồng từ người tên M, Nguyễn Văn T không biết là tiền gì nên chưa đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn T là đồng phạm với Đỗ Lê A về hành vi mua bán ma túy. Còn hành vi tàng trữ 0,588 gam chất ma túy Ketamine của Nguyễn Văn T và Đỗ Lê A với mục đích để sử dụng, nhưng chất ma túy này là thể rắn định lượng chưa đủ 01 gam, nên chưa đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, công an thành phố L đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Nguyễn Văn T, Đỗ Lê A về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy theo Điểm a, khoản 2, Điều 21, Nghị định 167/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ là đúng quy định.

[11] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Những nội dung đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nội dung nào phù hợp với nhận định nêu trên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[13] Bị cáo, người có quyền lợi liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, điểm n, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đỗ Lê A phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đỗ Lê A 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

3. Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (hai) phong bì niêm phong đựng mẫu vật sau giám định là chất ma túy.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 1.000.000 đồng (một triệu đồng) của bị cáo do phạm tội mà có. Trả lại anh Nguyễn Văn T 20.000 đồng (hai mươi nghìn đồng). Toàn bộ số tiền 1.020.000 đồng trên được đựng trong 01 (một) phong bì thư, hiện tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, vỏ màu hồng, số IMEI1: 867453032908397, số IMEI2: 86745302908389, lắp kèm 02 (hai) sim số thuê bao: 0983023319 và 0967636366 của bị cáo Đỗ Lê A.

- Trả lại cho Nguyễn Văn T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu MASSTEL, vỏ màu tím than, số IMEI1: 3553141041193798, số IMEI2: 3553141041193806, lắp kèm sim có số thuê bao 0862806338, cũ đã qua sử dụng.

(Hiện trạng vật chứng nêu trên đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L và chi tiết vật chứng được ghi trong biên bản giao nhận lập ngày 17/6/2020 giữa công an thành phố L và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Đỗ Lê A phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm, để sung ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Tp Lạng Sơn, T Lạng Sơn;
- Công an Tp Lạng Sơn, T Lạng Sơn;
- CCTHA DS tp Lạng Sơn, T Lạng Sơn;
- Bị cáo; đương sự;
- Lưu HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Xuân Tĩnh